

Số: 681 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động phát triển bền vững
tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 94/TTr-SKHĐT ngày 28/9/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Kế hoạch hành động phát triển bền vững tỉnh Bắc Giang đến năm 2030” với nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm:

1.1. Phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt, kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ tài nguyên, môi trường, trong đó phát triển bền vững về kinh tế là yếu tố tiên quyết.

1.2. Phát triển bền vững được đặt trong mối liên hệ với các tỉnh lân cận và trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

1.3. Phát huy đổi đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực; huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển.

1.4. Con người là trung tâm, phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững.

1.5. Chủ động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.6. Quản lý sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, giải quyết hiệu quả các vấn đề về môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

1.7. Lấy việc hoàn thiện cơ chế, chính sách là chìa khóa để thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng bền vững.

1.8. Tăng cường sự phối hợp giữa sở, ngành, địa phương, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu phát triển.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển kinh tế đảm bảo hài hòa với phát triển văn hóa - xã hội, khai thác và sử dụng tài nguyên hợp lý, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường bền vững. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực với nhiều sản phẩm với hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh cao. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Chủ động nắm bắt tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để tạo bước đột phá. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh; mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế và uy tín của tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

Tỉnh Bắc Giang chủ động phối hợp tốt với các Bộ, ngành Trung ương, phấn đấu, nỗ lực cùng với cả nước hoàn thành 17 mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam theo Quyết định 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Trong đó, tỉnh tập trung hoàn thành các mục tiêu chủ yếu sau:

TT	Tiêu chí	ĐVT	Mục tiêu		
			Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
I	Tăng trưởng kinh tế bền vững				
1	Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân	%/năm	16-16,5 ⁽¹⁾	11-12 ⁽²⁾	9-10 ⁽³⁾
2	Cơ cấu kinh tế	%	100	100	100
	<i>Nông lâm nghiệp và thủy sản</i>	%	<i>15,1</i>	<i>9,0</i>	<i>7,1</i>
	<i>Công nghiệp – Xây dựng</i>	%	<i>53,3</i>	<i>61,0</i>	<i>64,5</i>
	<i>Dịch vụ</i>	%	<i>31,8</i>	<i>30,0</i>	<i>28,4</i>
3	GRDP bình quân đầu người	USD	3.000	6.500	10.500
4	Phát triển các sản phẩm chủ lực, thân thiện môi trường				
4.1	<i>Nông lâm nghiệp và thủy sản</i>				
-	Vải thiều theo tiêu chuẩn GlobalGap, VietGap...	ha	15.500	16.500	17.000
	<i>Tỷ lệ trong tổng diện tích Vải thiều</i>	%	<i>51,7</i>	<i>58,9</i>	<i>60,7</i>
-	Rau chế biến, rau an toàn	ha	8.000	10.000	12.500

¹ Tốc độ GRDP bình quân giai đoạn 2018-2020

² Tốc độ GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025

³ Tốc độ GRDP bình quân giai đoạn 2026-2030; trung bình cả giai đoạn 2020-2030 đạt 10,5-11,5%/năm

	<i>Tỷ lệ trong tổng diện tích rau hoa màu</i>	%	33,3	40	50
-	Diện tích Bưởi theo tiêu chuẩn VietGap	ha	1.250	2.000	2.250
	<i>Tỷ lệ trong tổng diện tích Bưởi</i>	%	40	45	50
-	Diện tích Cam VietGap	ha	1.350	1.800	2.250
	<i>Tỷ lệ trong tổng diện tích Cam</i>	%	40	40	50
-	Chăn nuôi gà đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Triệu con	6,2	8,5	11,2
	<i>Tỷ lệ trong tổng đàn gà</i>	%	40,0	53,0	70,0
-	Chăn nuôi lợn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Triệu con	0,52	0,75	0,90
	<i>Tỷ lệ trong tổng đàn lợn</i>	%	40,0	50,0	60,0
-	Thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap	ha	200	350	500
-	Giá trị gia tăng ngành Lâm nghiệp trong tổng GRDP	%	1,1	1,3	1,5-2
4.2	<i>Tỷ trọng một số ngành Công nghiệp trong tổng GRDP của tỉnh</i>				
	<i>Điện tử</i>	%	13-14	14,5-15	15,5-16,8
-	<i>May mặc</i>	%	4-4,5	4,5-5	5,5-6,5
-	<i>Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.</i>	%	0,5	0,7	0,5-1
4.3	<i>Tỷ trọng một số ngành Dịch vụ trong tổng GRDP của tỉnh</i>				
-	<i>Dịch vụ bán buôn, bán lẻ</i>	%	6	8	10
-	<i>Dịch vụ vận tải, kho bãi, logistic</i>	%	3-4	4	4-4,5
-	<i>Dịch vụ tài chính ngân hàng bảo hiểm</i>	%	2,5-3	2,7	3
-	<i>Doanh thu du lịch trên GRDP</i>	%	1,77	3-4	7-8
-	<i>Dịch vụ Bưu chính, viễn thông</i>	%	2,6	3-4	4-5
5	Nâng cao hiệu quả đầu tư, Hệ số ICOR		4-5	4-5	3-3,5
6	Thu ngân sách	%	6.200	10.000	>15.000
-	<i>Cân đối thu, chi ngân sách</i>	%	43	60	100
7	Tốc độ tăng năng suất lao động	%	8,5-9	9	10

II	Tăng trưởng kinh tế thúc đẩy tiến bộ xã hội				
8	Chỉ số phát triển con người HDI		0,80	0,82	0,85
-	Tuổi thọ trung bình của người dân	Năm	74	74,5	75
-	Tỷ lệ hộ nghèo	%	4-5%	3	<1%
9	Thu nhập của 40% dân số nghèo nhất (Tiêu chuẩn 40 "WB")	%	18	18	>18
10	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	3,1	<3	<3
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	70	80	90
-	Tỷ lệ lao động được cấp chứng chỉ	%	19-20	30	40
12	Tỷ lệ trẻ e suy bị suy dinh dưỡng	%	12	9	6
13	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống		<15	<15	<15
14	Tỷ số giới tính khi sinh	%	110	107	105
15	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	100	100	100
-	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	33	45	62
16	Tỷ lệ dân số đô thị	%	22-23	35-38	40-45
17	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	59	72,5	80
18	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới	%	44,1	73,5	100
19	Tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị	%	65,4	84,6	100
III	Tăng trưởng gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu				
20	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38	38	38
21	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt đạt quy chuẩn QCVN:02/2009/BYT	%	80	85	90
22	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	98,5	99,0	100,0
-	Trong đó tỷ lệ thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn	%	100	100	100

23	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom	%	70	80	90
-	<i>Trong đó tỷ lệ thu gom được xử lý đạt tiêu chuẩn</i>	%	95	97	100
24	Tỷ lệ KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100
-	<i>Tỷ lệ CCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường</i>	%	50	80	100
25	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh có hệ thống xử lý nước thải	%	80,0	85-90	90-95
26	Tồn thất về kinh tế do thiên tai/GDP	%	<3	<3	<3
27	Mức giảm tiêu hao năng lượng điện để sản xuất ra 1 đơn vị GRDP	%	0,6	1,9	1,9

3. Định hướng

3.1. Tăng trưởng kinh tế bền vững (trụ cột 1)

(1) Duy trì tốc độ tăng trưởng cao, tạo sự lan tỏa tích cực đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của tăng trưởng. Gắn tăng trưởng kinh tế với chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng bền vững

Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn tới, phấn đấu tăng bình quân trên 10%/năm, tạo nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Chuyển dần từng bước từ tăng trưởng theo chiều rộng sang tăng trưởng kết hợp hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, nâng dần tỷ lệ đóng góp của yếu tố năng suất các nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng kinh tế.

Tăng trưởng dựa trên những ngành tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp – xây dựng và dịch vụ để giảm tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Tiếp tục kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thân thiện, thông thoáng và minh bạch. Tăng cường hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng KT-XH, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH trong tương lai, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn.

(2) Phát triển các ngành kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; đẩy mạnh phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế, sản phẩm có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường, cụ thể:

- Phát triển công nghiệp hiệu quả, bền vững và làm nền tảng phát triển đô thị và các ngành dịch vụ, sản xuất khác; phát huy được lợi thế của tỉnh, sử dụng hợp lý tài

nguyên, lao động và đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Đến năm 2030, Bắc Giang cơ bản trở thành tỉnh có nền công nghiệp phát triển.

Điều chỉnh mô hình tăng trưởng công nghiệp từ số lượng sang năng suất, chất lượng và hiệu quả; phát triển các ngành và sản phẩm công nghiệp có giá trị gia tăng cao, giá trị xuất khẩu lớn, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Duy trì phát triển các nhóm ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh như may mặc, điện, điện tử trong giai đoạn đến năm 2020. Sau năm 2020 có giải pháp chuyển đổi phù hợp. Từng bước phát triển ngành công nghiệp môi trường với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tái chế, xử lý chất thải, rác thải, sản xuất các thiết bị đồng bộ, công nghệ về bảo vệ môi trường, cung cấp dịch vụ môi trường.

Phát triển công nghiệp trên cơ sở phát triển của khoa học công nghệ và nguồn nhân lực có trình độ cao. Chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề tạo ra sản phẩm phục vụ du lịch; đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn.

- Phát triển đa dạng, linh hoạt các ngành dịch vụ; mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng, khoa học công nghệ, bưu chính, viễn thông, giáo dục, đào tạo, bảo hiểm, thương mại điện tử... Phát triển ngành dịch vụ hỗ trợ tốt cho sản xuất và nâng cao chất lượng sống cho người dân, bao gồm: dịch vụ vận tải, logistic...

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, tâm linh, du lịch nông nghiệp... Phấn đấu đến năm 2030, ngành du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản bền vững trên cơ sở khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh gắn với thay đổi phương thức sản xuất theo hướng hiện đại, công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo các tiêu chuẩn sạch như: GlobalGap, VietGap...

Định hướng xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, vùng nông nghiệp công nghệ cao, đạt các tiêu chuẩn quốc tế về vệ sinh an toàn thực phẩm, đặc biệt quan tâm hình thành, phát triển chuỗi giá trị về sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Phát triển cây ăn quả theo hướng nâng cao chất lượng, an toàn, đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang các thị trường yêu cầu chất lượng cao như Mỹ, Nhật, EU ... Trọng tâm là Vải thiều và các loại cây ăn quả có múi như cam, bưởi..., các loại rau chế biến, rau an toàn. Phát huy lợi thế rừng, đẩy mạnh phát triển lâm nghiệp.

Duy trì phát triển đàn gia cầm, nhất là đàn gà theo hướng sản xuất quy mô lớn, chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ cao vào sản xuất thủy sản nâng cao giá trị gia tăng, năng suất, chất lượng sản phẩm và phát triển bền vững.

3.2. Tăng trưởng thúc đẩy tiến bộ xã hội (trụ cột 2)

Gắn tăng trưởng kinh tế với nâng cao trình độ phát triển con người, mức sống dân cư và bảo đảm công bằng xã hội. Tăng trưởng kinh tế phải được kiểm

soát thường xuyên, chặt chẽ bởi các chỉ tiêu phát triển xã hội. Các thành quả của phát triển được tái đầu tư, tập trung giải quyết các vấn đề về xóa đói, giảm nghèo, công bằng xã hội, giải quyết việc làm, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao ... nhằm nâng cao Chỉ số phát triển con người hướng tới mức tiên tiến.

Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, đời sống văn hóa tinh thần phong phú. Chú trọng công tác đào tạo nghề, phát triển nguồn nhân lực, có cơ chế chính sách chuyển dịch cơ cấu đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề chất lượng cao; nâng cao chất lượng, ý thức, tác phong công nghiệp, kỷ luật cho người lao động gắn với giải quyết việc làm. Đẩy mạnh phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng bền vững.

3.3. Tăng trưởng kinh tế gắn với sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (trụ cột 3)

Nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong phát triển kinh tế với mục tiêu giảm cường độ, tăng năng suất sử dụng, chú trọng đến khía cạnh tái tạo, tái sinh tài nguyên. Sử dụng tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản một cách hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Nâng cao chất lượng rừng, duy trì độ che phủ rừng ở mức 38%.

Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó biến đổi khí hậu. Giải quyết hiệu quả các vấn đề ô nhiễm môi trường. Kiểm soát tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường do các hoạt động kinh tế gây ra. Nâng cao nhận thức, hình thành ý thức thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu của toàn bộ hệ thống chính trị và người dân. Nâng cao khả năng thích ứng của cơ sở hạ tầng, cộng đồng dân cư trước tác động của biến đổi khí hậu.

4. Các nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

4.1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hoàn thiện thể chế

a. Hoàn thiện hệ thống quy hoạch, xác định mô hình phát triển của tỉnh đến năm 2030

Triển khai xây dựng Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 theo phương pháp tích hợp, đảm bảo thống nhất về không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, hệ thống đô thị và phân bố dân cư nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bố đất đai, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng tỷ lệ bao phủ quy hoạch đô thị, nông thôn, làm cơ sở khai thác quỹ đất có hiệu quả, thiết lập trật tự trong đầu tư xây dựng.

Hoàn thành xây dựng Đề án đổi mới mô hình phát triển kinh tế của tỉnh đến năm 2030, thiết lập định hướng, ưu tiên đổi mới mô hình phát triển kinh tế cho địa phương, nhằm mục đích duy trì đà tăng trưởng kinh tế, đưa nền kinh tế phát triển theo chiều sâu và hướng tới mục tiêu dài hạn là phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống cho nhân dân. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, khai thác dữ liệu quy hoạch đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện.

b. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững. Huy động sự tham gia của các tổ

chức đoàn thể trong công tác truyền thông về phát triển bền vững. Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy ở các cấp học.

Chú trọng, xem xét, cân nhắc các quan điểm, mục tiêu phát triển bền vững ngay từ khi hình thành ý tưởng, định hướng phát triển trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát các chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức phi chính phủ, cộng đồng dân cư trong thực hiện phát triển bền vững, nhất là trong phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, quản lý và sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu. Chủ động theo dõi, giám sát và đánh giá thực hiện phát triển bền vững theo các tiêu chí, chỉ tiêu phát triển bền vững đề ra.

c. Đẩy mạnh cải cách thể chế nâng cao tính cạnh tranh của môi trường kinh doanh và cải cách hành chính

Triển khai thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Nghiên cứu xây dựng tiêu chí để sàng lọc, nâng cao chất lượng thu hút đầu tư, lựa chọn các dự án đầu tư có chất lượng công nghệ tiên tiến; sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, đất đai; có giá trị gia tăng cao, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước.

Thường xuyên rà soát các thủ tục hành chính, kịp thời sửa đổi, bổ sung, tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục cắt giảm 25-30% thời gian giải quyết đối với các thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết từ 15 ngày trở lên. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 đạt từ 40% trở lên, mức độ 4 đạt từ 30% trở lên; kết nối liên thông, đồng bộ các phần mềm hỗ trợ giải quyết thủ tục trên địa bàn tỉnh.

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, chuyên môn, trách nhiệm của cán bộ, công chức. Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, những nhiễu. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 47-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

d. Xây dựng các cơ chế chính sách

Xây dựng các chính sách phát triển cụ thể gắn với các nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho đầu tư; phát triển các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm tiềm năng; mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa; hỗ trợ giảm nghèo bền vững theo hướng toàn diện, đa chiều; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; sử dụng tiết kiệm hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường... Một số chính sách nghiên cứu xây dựng trong thời gian tới:

- Chính sách hỗ trợ phát triển các ngành, sản phẩm chủ lực có tiềm năng, lợi thế, giá trị kinh tế cao và thân thiện với môi trường, trọng tâm là xác định vùng động lực để tạo cơ chế đặc thù trong thu hút đầu tư đối với các vùng là động lực, trung tâm thúc đẩy phát triển của tỉnh, của vùng và sự liên kết giữa cùng động lực với các vùng phụ trợ.

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, cụm tương hỗ để thu hút đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện, cơ sở để các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng tăng trưởng.

- Quy định lựa chọn dự án đầu tư chất lượng, đảm bảo hiệu quả, giải quyết việc làm, đảm bảo môi trường theo hướng bền vững.

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ thu hút nhà đầu tư vào đầu tư khu, điểm du lịch thông qua hỗ trợ thủ tục pháp lý, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, điện, nước ...

- Cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, cá nhân cung cấp tài chính, đầu tư cho các hoạt động xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công nghệ cao nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về phát triển bền vững.

- Chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ, thu hút các doanh nghiệp cung cấp nguyên, phụ liệu đầu vào cho sản xuất với cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, giải phóng mặt bằng, lãi vay, tìm kiếm thị trường...

- Chính sách hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp đối với các sản phẩm của tỉnh; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.

- Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp sạch; thực hiện quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, đầu tư hạ tầng đồng bộ từ hệ thống giao thông kết nối, đến hệ thống tưới tự động, máy móc làm đất, thu hoạch ...

- Xây dựng chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo chuỗi liên kết ...

- Cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên cao đẳng, bác sỹ giỏi, nhân lực khoa học – công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực.

Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, nhất là các văn bản liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tuân thủ tính pháp chế và phù hợp với điều kiện của địa phương.

4.2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế bền vững

a. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng; tập trung phát triển, chuyển dịch các ngành sản xuất theo hướng bền vững

- Đối với công nghiệp, xây dựng

Thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp phát triển theo chiều sâu, nâng cao

năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, nhiên liệu, có giá trị gia tăng cao hướng về xuất khẩu. Tạo điều kiện cho sự ra đời và phát triển của các doanh nghiệp cung cấp linh kiện, phát triển công nghiệp phụ trợ, công nghiệp môi trường.

Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp đang hoạt động, đặc biệt là hạ tầng các Khu công nghiệp: Quang Châu, Vân Trung, Hòa Phú...; lập quy hoạch các khu công nghiệp. Đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp hoàn thiện đầu tư hạ tầng, kiên quyết cho dừng hoạt động các cụm không có hệ thống xử lý nước thải theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi phát triển các cụm công nghiệp, cụm làng nghề quy mô nhỏ và vừa ở các huyện nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá nông thôn.

Tập trung phát triển mạnh các ngành công nghiệp có lợi thế như: sản xuất điện tử, chế biến nông, lâm sản, dệt may, sản xuất điện, hóa chất..., công nghiệp phụ trợ; ưu tiên thu hút các dự án sản xuất có công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm đất đai, có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách tỉnh. Đẩy mạnh áp dụng cơ khí hóa, tự động hóa, đổi mới dây chuyền công nghệ trong sản xuất công nghiệp, ưu tiên dây chuyền, thiết bị các nước G7 để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp; bổ sung danh mục không khuyến khích đầu tư các dự án sử dụng nhiều tài nguyên, năng lượng, công nghệ thấp.

Hỗ trợ xây dựng chiến lược cạnh tranh tổng thể đối với các doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp về: dệt may, giấy dếp, chế biến thực phẩm... trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đảm bảo cân bằng giữa định hướng xuất khẩu và phát triển thị trường nội địa; ổn định thị phần tại các thị trường xuất khẩu truyền thống, thâm nhập và tạo dựng chỗ đứng tại các thị trường mới, đồng thời với việc tạo dựng thương hiệu, xây dựng và phát triển hệ thống phân phối, tiêu thụ nội địa.

Nâng cao năng lực và sức cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng; tăng cường đầu tư trang thiết bị tiên tiến, tiếp cận và từng bước làm chủ các công nghệ hiện đại trong thi công xây lắp, đảm bảo thực hiện được các dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

- Đối với nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tiếp tục tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 130-NQ/TU ngày 16/8/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 – 2020. Tập trung khai thác và tận dụng tốt lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới; tăng diện tích sản xuất nông nghiệp hữu cơ; xây dựng và phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn theo hình thức trang trại, gia trại, vùng nông nghiệp công nghệ cao, đạt các tiêu chuẩn phổ biến về an toàn vệ sinh thực phẩm, kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, với chuỗi giá trị đối với các sản phẩm đã xây dựng được thương hiệu, có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Triển khai thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Nghị định 115/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định xử phạt hành chính về An toàn thực phẩm; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp. Tập trung xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, giao nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất an toàn cho các địa phương, gắn trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, phát hiện và ngăn chặn kịp thời việc sử dụng chất cấm trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; giảm thiểu ô nhiễm sinh học và tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm, đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tổ chức nghiên cứu thị trường tiêu thụ nông sản của tỉnh, xây dựng các thị trường tiêu thụ trọng điểm đối với từng sản phẩm. Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường về các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Xây dựng phần mềm và triển khai cập nhật thông tin định kỳ để người sản xuất nắm được thông tin thị trường, từ đó xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và bán sản phẩm.

Triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Đề án mô hình chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017 - 2018; Kế hoạch Hợp tác tạo liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa chủ lực giữa thành phố Hà Nội và tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020; Hoàn thành xây dựng Đề án phát triển thương hiệu nông sản hàng hóa cấp tỉnh, giai đoạn 2018-2020.

Tích cực triển khai các chương trình tín dụng ưu tiên đối với lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn; đổi mới cơ chế, thủ tục hành chính để tăng khả năng tiếp cận tín dụng cho nông dân và các đối tác kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân gắn với nâng cao chất lượng các tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới. Thực hiện hiệu quả kế hoạch triển khai thực hiện nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh.

- Ngành dịch vụ

Khuyến khích các ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty tài chính mở chi nhánh hoặc văn phòng đại diện trên địa bàn tỉnh; thúc đẩy hình thành thị trường tài chính, đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng cao cho các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh phát triển bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, nhất là ở khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Thu hút nhà đầu tư phát triển dịch vụ liên quan đến du lịch hướng đến phát triển bền vững với trọng tâm là khu du lịch tâm linh – sinh thái Tây Yên Tử; khu

du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí FLC Bắc Giang tại hồ Khuôn Thần; quan tâm phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng với các khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, Khe Rỗ, hồ Cẩm Sơn, dãy núi Nham Biền... Phát triển du lịch thể thao với hệ thống sân gôlf Yên Dũng, Việt Yên, Lục Nam, Lạng Giang. Hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc và dịch vụ đi kèm.

Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển dịch vụ như Trung tâm logistics quốc tế thành phố Bắc Giang, khu du lịch tâm linh – sinh thái Tây Yên Tử. Tạo điều kiện để nhà đầu tư khảo sát, xây dựng, phát triển các khu, điểm du lịch. Mở rộng quy mô, đa dạng hoá sản phẩm và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế có đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế. Thiết kế khai thác du lịch nông nghiệp, làng nghề dựa trên các vùng sản xuất quy mô lớn đặc trưng và các làng nghề truyền thống nổi tiếng có từ lâu đời.

Tăng cường tuyên truyền tới các doanh nghiệp về hội nhập kinh tế quốc tế, các hiệp định thương mại tự do Việt Nam đã tham gia, nhất là thông tin về hàng rào kỹ thuật trong thương mại quốc tế đối với các sản phẩm không đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Xây dựng chiến lược xuất khẩu trên cơ sở phát huy tối đa các lợi thế, năng lực của các ngành sản xuất chủ lực, các hoạt động xúc tiến và mở rộng thị trường xuất khẩu. Tập trung phát triển thị trường ở nhóm hàng có năng lực cạnh tranh, có ưu thế của tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển ngành, sản phẩm chủ lực có tiềm năng, lợi thế, giá trị kinh tế cao và thân thiện với môi trường

Thực hiện nghiên cứu các chính sách hỗ trợ, tư vấn về giống, triển khai ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào sản xuất, đảm bảo sản xuất sạch theo các tiêu chuẩn như: VietGAP, GlobalGAP, giải quyết tốt khâu chế biến, xúc tiến liên kết, tìm kiếm thị trường đầu ra ... đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực như vải thiều, cây có múi, rau chế biến, gà, lợn... Xây dựng và phát triển các thương hiệu mới như Cam, bưởi Lục Ngạn, nâm ... hỗ trợ phát triển, khôi phục các hàng hóa đã có thương hiệu như rượu Vân, bánh đa Ké, mỳ Chũ ...

Xây dựng kế hoạch bảo tồn, khai thác các tài nguyên du lịch; hỗ trợ nhà đầu tư về pháp lý, mặt bằng, hạ tầng phụ trợ, đẩy nhanh tiến độ dự án. Phối hợp với các tỉnh trong khu vực xây dựng các tour, tuyến du lịch để khai thác có hiệu quả tài nguyên du lịch của tỉnh, nhất là điểm nhấn là du lịch sinh thái, tâm linh, văn hóa, lịch sử như hồ Khuôn Thần, chùa Vĩnh Nghiêm, Bồ Đà, Tây Yên Tử, di tích khởi nghĩa Yên Thế ...

Đẩy mạnh liên danh, liên kết để khai thác tiềm lực, kinh nghiệm của các doanh nghiệp sản xuất sạch, sản phẩm sạch. Nghiên cứu hỗ trợ tiếp cận nguồn lực tín dụng, hỗ trợ kinh phí từ quỹ hỗ trợ doanh nghiệp, ưu đãi thuế thu nhập, mở rộng thị trường, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển ... cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm sạch hơn. Tích cực quảng bá các sản phẩm thân thiện với môi trường; nâng cao ý thức trong các doanh nghiệp về sử dụng nhãn sinh thái; xây dựng chiến lược doanh nghiệp với sản phẩm thân thiện với môi trường. Tăng cường áp dụng các tiêu chuẩn ISO 14001 trong sản xuất.

b. Tăng cường huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển

- Đẩy mạnh huy động nguồn vốn đầu tư

Tiếp tục kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng, thân thiện, thông thoáng và minh bạch. Tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng và thực hiện chiến lược vận động và xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển các ngành nghề ưu tiên. Tiếp tục đổi mới công tác xúc tiến thu hút đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, chủ động, bám sát nhu cầu và thực tế của tỉnh. Trực tiếp xúc tiến đầu tư đến từng tập đoàn, đối tác cụ thể, tập trung kêu gọi các nhà đầu tư lớn, các tập đoàn đa quốc gia nằm trong Fortune Top 500 vào đầu tư tại Bắc Giang. Thực hiện thực chất cơ chế một cửa giải quyết thủ tục đầu tư, chuẩn bị sẵn mặt bằng và cơ chế chính sách khuyến khích để thu hút mạnh các dự án FDI lớn, có chất lượng, đặc biệt là từ Nhật Bản, Hàn Quốc vào khu công nghiệp phụ trợ chuyên sâu, phát triển công nghiệp phụ trợ cơ khí, điện tử.

Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để thực hiện Kế hoạch phát triển bền vững. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), các nguồn vốn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tăng cường quản lý, chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư để tạo vốn thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch thực hiện Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tỉnh phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh thông qua việc hỗ trợ tiếp cận vốn và tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Phát triển mạnh và đa dạng khu vực doanh nghiệp tư nhân, khuyến khích và hỗ trợ hình thành một số tập đoàn tư nhân có tầm cỡ trong nước. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tư nhân liên kết, sản xuất trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

- Thực hiện tái cơ cấu và nâng cao hiệu quả các nguồn vốn đầu tư

Nâng cao chất lượng công tác thẩm định, lựa chọn, phê duyệt và quyết định đầu tư nhằm lựa chọn được dự án đầu tư có chất lượng. Xây dựng quy định bộ tiêu chí đánh giá, để lựa chọn các dự án đầu tư mang lại hiệu quả cao, có tác động lan tỏa tích cực về xã hội, đảm bảo môi trường, thực sự là động lực cho phát triển bền vững. Thực hiện thu hút có chọn lọc các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành trọng tâm ưu tiên phát triển của tỉnh, khuyến khích vào các ngành có lợi thế cạnh tranh, lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, các dự án lớn với hàm lượng khoa học, công nghệ cao, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, sử dụng nhiều lao động...

Xây dựng cơ chế phối hợp tinh gọn, hiệu quả giữa các cơ quan có liên quan đến công tác đầu tư, ở tất cả các công đoạn từ xác định chủ trương đầu tư đến cấp chứng chỉ quy hoạch, thẩm tra cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đến giao đất, giải phóng mặt bằng, cấp giấy phép xây dựng.

Nhanh chóng lấp đầy và phát huy hiệu quả các khu công nghiệp hiện có, quy hoạch phát triển thêm một số khu công nghiệp mới, gắn với khả năng lợi thế và nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân các nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, nhà đầu tư thông qua việc hỗ trợ các thủ tục

pháp lý, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, hồ sơ thủ tục hành chính, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ hạ tầng giao thông, điện, nước, lao động ...

Tăng cường quản lý chặt chẽ trên tất cả các khâu của đầu tư xây dựng, gắn công tác thanh tra, kiểm tra với đánh giá giám sát đầu tư. Phát huy vai trò giám sát của cộng đồng theo quy định của Chính phủ về giám sát cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Nâng cao chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư, quản lý nghiêm ngặt quy trình đầu tư, chống lãng phí, thất thoát, nâng cao thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của chủ đầu tư, đơn vị tư vấn.

c. Tăng cường đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho thực hiện phát triển bền vững

- Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản lý doanh nghiệp

Phát triển đồng bộ đội ngũ nhân lực có chất lượng, đủ mạnh ở mọi lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Thực hiện các chương trình, đề án đào tạo nhân lực chất lượng cao đối với các ngành, lĩnh vực chủ yếu, mũi nhọn.

Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, phát huy nhân tài, đào tạo nhân lực cho phát triển kinh tế tri thức. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực tốt để đáp ứng nhu cầu đổi mới phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Ưu tiên hỗ trợ đào tạo những doanh nhân là các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực

Làm tốt công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao thể lực và tâm vóc của nhân lực. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy lùi các bệnh truyền nhiễm; phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; nâng cao chất lượng các phong trào rèn luyện thân thể, tập thể dục, nâng cao thể lực... xây dựng đời sống lành mạnh trong nhân dân, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong lối sống xã hội. Nâng cao chất lượng dân số, duy trì mức sinh thấp hợp lý, đáp ứng nhu cầu và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhân dân, kiểm soát, điều hòa tỷ số giới tính khi sinh, lồng ghép các yếu tố về dân số vào hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong hệ thống trường phổ thông. Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 (khóa XI) theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học. Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng hệ thống giáo dục mở, học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập. Đổi mới căn bản công tác quản lý giáo dục, đào tạo, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo.

Tăng cường đào tạo nhân lực theo nhu cầu xã hội; tập trung giải quyết tốt các mối quan hệ giữa đào tạo và sử dụng lao động. Hàng năm, đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ để theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, đồng thời phù hợp với đường lối, chính sách, luật pháp về phát triển xã hội và phát triển doanh nghiệp. Hỗ trợ nâng cao nhận thức của người lao động về ý thức, tác phong, kỷ luật trong lao động.

Huy động đầu tư toàn xã hội cho công tác phát triển nhân lực, đẩy mạnh xã hội hoá dạy nghề. Tiếp tục đầu tư xây dựng trường Cao đẳng nghề công nghệ Việt - Hàn Bắc Giang để trở thành trường đào tạo nghề trọng điểm, chất lượng cao của cả nước. Liên kết với các trường Đại học, trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp để phối hợp liên doanh, liên kết trong công tác đào tạo, tuyển dụng nhân lực, có sự chuyển giao hợp tác về nhân lực giữa các tỉnh để điều tiết cung cầu lao động trên thị trường lao động.

- Chuyển dịch cơ cấu lao động

Tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện để các lao động trong lĩnh vực nông nghiệp sang làm việc trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tiếp tục hỗ trợ kinh phí từ ngân sách đối với hoạt động đào tạo nghề từ đầu tư cơ sở vật chất, đặt hàng đào tạo nghề... để khuyến khích người học quyết định chuyển sang học nghề, nâng tỷ lệ đào tạo nghề có bằng cấp, chứng chỉ trong cơ cấu lao động qua đào tạo, đặc biệt quan tâm các nghề chất lượng cao.

d. Tăng cường vai trò và tác động của khoa học và công nghệ trong thực hiện phát triển bền vững

Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành và lĩnh vực theo định hướng phát triển bền vững. Triển khai xây dựng các đề tài khoa học mang tính ứng dụng cao, có tác động lan tỏa đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung vào các sản phẩm chủ lực, tạo các sản phẩm mới, có giá trị và khả năng nhân rộng. Kết hợp các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các mục tiêu phát triển bền vững, trong đó đảm bảo khoa học và công nghệ là nền tảng, động lực cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên các lĩnh vực.

Quan tâm đến công tác chuyển giao khoa học và công nghệ, đặc biệt là trong quá trình đàm phán, xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư các dự án FDI, các dự án tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật... Đưa khoa học và công nghệ gắn liền với sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực để nâng cao năng suất, chất lượng, đạt các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế để hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Tăng cường công tác quản lý công nghệ, khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ tái tạo, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tự động hóa cao; ngăn chặn, hạn chế chuyển giao công nghệ lạc hậu, tiêu tốn nhiều nhiên liệu và năng lượng, gây ô nhiễm môi trường. Phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh trong nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ và bảo vệ môi trường, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đúng quy định.

Chủ động nghiên cứu đánh giá tác động của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đối với tỉnh; thực hiện các giải pháp nhằm nắm bắt cơ hội, tận dụng tối đa các lợi thế, đồng thời giảm thiểu những tác động tiêu cực tạo bước đột phá cho phát triển của tỉnh trong thời gian tới, tập trung chủ yếu vào một số nhiệm vụ sau:

- Phát triển hạ tầng kết nối số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước ...

- Rà soát, lựa chọn phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh bám sát các công nghệ sản xuất mới, tích hợp những công nghệ mới để tập trung đầu tư phát triển.

- Tập trung xây dựng, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo hướng triển khai các cơ chế, chính sách cụ thể, phù hợp để phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo như: khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của doanh nghiệp; đổi mới cơ chế đầu tư, hỗ trợ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Tập trung vào thúc đẩy đào tạo về khoa học và công nghệ, kỹ thuật và toán học, ngoại ngữ, tin học trong chương trình giáo dục phổ thông; đẩy mạnh tự chủ dạy nghề. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ sản xuất mới.

- Nâng cao nhận thức của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương, doanh nghiệp và toàn xã hội về Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tăng cường hội nhập quốc tế và thông tin, truyền thông tạo hiểu biết và nhận thức đúng về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 để có cách tiếp cận, giải pháp phù hợp, hiệu quả.

4.3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tiến bộ, công bằng xã hội

a. Tăng cường công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân; phát triển văn hóa, thể thao nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới. Tiếp tục triển khai thực hiện lập hồ sơ khám, quản lý sức khỏe đến từng người dân; đến năm 2020 có trên 90% người dân được lập hồ sơ quản lý sức khỏe. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, từng bước triển khai thực hiện kiểm định độc lập, đánh giá chất lượng dịch vụ, phân hạng bệnh viện theo chất lượng.

Xây dựng Đề án nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế giai đoạn 2019-2025. Tiếp tục thực hiện tự chủ tài chính tại các đơn vị y tế công lập. Phát huy hiệu quả các đề án bệnh viện vệ tinh đã được phê duyệt. củng cố hệ thống tổ chức mạng lưới và tăng cường năng lực cấp cứu ở cả 3 tuyến; triển khai Trung tâm cấp cứu 115 của tỉnh và hệ thống cấp cứu tại cộng đồng. Chủ động phòng, chống dịch bệnh, ứng phó kịp thời các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Củng cố vững chắc hệ thống tiêm chủng tại tỉnh. Tăng cường các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở như: chế độ dinh dưỡng hợp lý,

đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng cường luyện tập thể thao ... triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi... góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân.

Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số. Tập trung tuyên truyền việc tham gia BHYT để người dân nắm được và tham gia, vừa góp phần nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, vừa góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

Huy động các nguồn tài lực, vật lực của nhân dân, các tổ chức xã hội tham gia đầu tư cơ sở vật chất, kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao. Từng bước thực hiện cơ chế tự chủ một phần đối với các đơn vị sự nghiệp, khuyến khích phát triển, mở mới các dịch vụ nhằm tạo nguồn kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao đối với các đơn vị sự nghiệp. Phát triển thể thao trường học làm cơ sở phát hiện tài năng thể thao; hình thành vững chắc nền móng hệ thống vận động viên các tuyến.

Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, vận động các cơ quan, ban ngành, đoàn thể và nhân dân dân trong tỉnh nâng cao nhận thức về văn hóa, thể thao và vai trò của văn hóa, thể thao trong xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, trong sạch, xây dựng con người văn minh, trong phát triển kinh tế du lịch nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội nói chung, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

b. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm nghèo; đảm bảo sự lan tỏa tích cực của tăng trưởng đến các khu vực miền núi và người nghèo

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và Phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” giai đoạn 2016-2020. Đẩy nhanh việc hỗ trợ nhà ở cho người có công và hộ nghèo theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg và Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch 4102/KH-UBND ngày 24/11/2017 thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030. Thực hiện nghiêm quy định về an toàn, vệ sinh lao động.

Thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, xử lý nghiêm các doanh nghiệp nợ, trốn đóng BHXH cho người lao động; nâng cao hiệu quả quản lý quỹ bảo hiểm, bảo đảm công khai, minh bạch, bền vững. Triển khai rà soát, phân loại các doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, đặc biệt là việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; kiên quyết không cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các doanh nghiệp cố tình sai phạm.

Đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức huy động vốn để đẩy mạnh xây dựng và phát triển hạ tầng thiết yếu tại các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng vào đầu tư hạ tầng giao thông, thông tin liên lạc liên kết giữa các vùng, khu vực phát triển trong tỉnh với các vùng gặp nhiều khó khăn.

Cung cấp tín dụng cho người nghèo có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập để thoát nghèo; chuyển kinh phí

hỗ trợ từ cho không sang cho vay với lãi suất ưu đãi qua Ngân hàng chính sách xã hội. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách trợ giúp hội và đẩy mạnh xã hội hóa công tác xóa đói giảm nghèo.

c. Giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc

Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là những vấn đề xã hội quanh các khu công nghiệp như: Xây dựng nhà ở công nhân (*bao gồm cả nhà trọ*); cấp nước sinh hoạt tập trung; xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường; xây dựng chợ, điểm mua sắm và xây dựng nhà trẻ, trường mầm non, khu thể thao, văn hóa...

Xây dựng kế hoạch lồng ghép với các chương trình, đề án khuyến khích, vận động và tranh thủ các nguồn vốn trong và ngoài nước để tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo ở vùng dân tộc ít người. Xây dựng chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc, các đối tượng bị thu hồi đất nông nghiệp, thiếu đất sản xuất; đồng thời, ngân sách nhà nước thu được từ hoạt động của các doanh nghiệp tại các khu vực thu hồi đất ưu tiên đầu tư lại cho địa phương để tạo sự ổn định xã hội, giảm khiếu nại, tố cáo cũng như đồng thuận của nhân dân. Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả các công tác phòng, chống ma túy, chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội.

4.4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

Thực hiện công khai quy hoạch sử dụng đất các cấp để tạo điều kiện thu hút đầu tư và để nhân dân giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện. Đẩy nhanh tiến độ đo đạc bản đồ địa chính, phân đấu hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn tỉnh vào năm 2020; triển khai Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các huyện thành phố; phân đấu đến hết năm 2020, tỉnh Bắc Giang có hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai toàn tỉnh đồng bộ hiện đại để khai thác sử dụng phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển và tiêu thụ cát sỏi lòng sông. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản sau cấp phép khai thác khoáng sản; đồng thời, xử lý nghiêm, đúng quy định các trường hợp vi phạm.

Tập trung xử lý triệt để, dứt điểm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Đồng thời không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường, đến năm 2030 gần 100% chất thải rắn được thu gom, xử lý; 100% các khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải đạt yêu cầu; nước thải các cơ sở sản xuất, kinh doanh được kiểm soát, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường. Cải thiện chất lượng môi trường nước, không khí, đặc biệt chú trọng đến giảm thiểu ô nhiễm bụi ở thành phố Bắc Giang, các làng nghề và khu vực khai thác khoáng sản.

Tăng cường quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng nguồn nước, trong đó đặc biệt lưu ý đến nguồn nước ngầm, nguồn nước cung cấp cho sinh hoạt; triển khai các giải pháp khắc phục những tồn tại hiện nay.

Tiếp tục khuyến khích và có kế hoạch di chuyển các nhà máy, cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường ra khỏi đô thị, khu dân cư để cải thiện môi trường

sống; trước mắt thực hiện di dời các cơ sở theo Quyết định 353/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh ra khỏi thành phố Bắc Giang.

Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng, gắn bảo tồn thiên nhiên với giảm nghèo. Nâng cao chất lượng rừng; tiếp tục thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng, đẩy mạnh trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; tăng cường các biện pháp ngăn ngừa, ứng phó khẩn cấp với cháy rừng; ngăn chặn và xử lý nghiêm hành vi phá rừng; gìn giữ và bảo vệ các khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử và Khe Rỗ; tiếp tục phát triển các mô hình nông lâm kết hợp trồng cây ăn quả trên các diện tích đất đồi, núi thấp của tỉnh.

Nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án theo quy định, trong đó đặc biệt lưu ý đến quy định tổ chức lựa chọn tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tăng cường kiểm tra, giám sát sau thẩm định và giai đoạn kiểm soát ô nhiễm.

Đổi mới công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục về công tác bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nghiên cứu đưa nội dung bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục cho học sinh, sinh viên. Khắc phục tình trạng tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, mang tính hình thức, tư duy quá coi trọng tăng trưởng kinh tế, bỏ qua hoặc buông lỏng công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

4.5. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các vấn đề bức xúc, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết số 28 của Bộ Chính trị (*khoá X*) về xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc, Nghị định 152/2007/NĐ-CP của Chính phủ về khu vực phòng thủ và các nghị quyết, chỉ thị về công tác quốc phòng, quân sự địa phương; Chương trình hành động số 59-CTr/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết Trung ương 8 (*khoá XI*) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, trọng tâm là tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Thực hiện hiệu quả Quyết định 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030, phấn đấu đẩy lùi tội phạm và tệ nạn xã hội, đến năm 2020 giảm từ 3 - 5% tổng số vụ phạm tội hình sự so với năm 2016; tỷ lệ điều tra, khám phá các loại tội phạm đạt từ 75% trở lên, các tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 95% trở lên trên tổng số án khởi tố.

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về an toàn giao thông dưới nhiều hình thức, nâng cao chất lượng giảng dạy về trật tự an toàn giao thông trong trường học; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về an toàn giao thông, xây dựng ý thức tự giác chấp hành luật của người tham gia giao thông.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 02/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, phấn đấu không để phát sinh các điểm nóng về khiếu kiện. Nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc khiếu nại tố cáo, phấn đấu giải quyết xong 90% trở lên các vụ việc mới phát sinh, thi hành xong 80-85% trở lên số quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo, trọng tâm là cấp xã, cấp huyện.

4.6. Tăng cường hợp tác với các địa phương, mở rộng hợp tác quốc tế; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện

a. Tăng cường hợp tác với các địa phương, mở rộng hợp tác quốc tế

Đẩy nhanh liên kết vùng và hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các địa phương khác. Nâng cao chất lượng, có hiệu quả các hoạt động hợp tác bằng những dự án đầu tư, những công trình cụ thể, các tour, tuyến du lịch, chuỗi sản xuất, cung ứng tiêu thụ sản phẩm... trên cơ sở lợi ích chung giữa các địa phương. Thiết lập cơ chế cung cấp thông tin định kỳ về tình đến mạng lưới các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các địa phương nước ngoài.

Thực hiện hiệu quả Kế hoạch 127/KH-UBND thực hiện Chương trình hành động số 61-CTr/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá XI) về hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2020; chú trọng nâng cao năng lực hội nhập, cạnh tranh của tỉnh; thực hiện rà soát các cơ chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, đẩy mạnh CCHC phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu của hội nhập. Thực hiện tốt các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp trong hội nhập.

b. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện

Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định 1045/QĐ-TTg ngày 17/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình truyền thông về phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tập trung và các mục tiêu phát triển của tỉnh và cả nước; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, các điển hình tiên tiến và các việc làm thiết thực góp phần thực hiện phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Thực hiện tốt sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự đồng thuận trong thực hiện. Công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin về các vấn đề được xã hội quan tâm.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu lồng ghép và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, hàng năm của tỉnh; đồng thời hướng dẫn các ngành, địa phương lồng ghép và thực

hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, hàng năm của ngành, địa phương.

Định kỳ kiểm tra, giám sát, hàng năm báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch hành động; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

5.2. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh chịu trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của xã hội về phát triển bền vững, Kế hoạch hành động quốc gia và tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

5.3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hành động của tỉnh và các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030.

Lồng ghép và thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, hàng năm của ngành, địa phương.

Đẩy mạnh công tác giáo dục, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội về Phát triển bền vững.

Giám sát, đánh giá các mục tiêu phát triển bền vững được phân công chủ trì và phối hợp; đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững được phân công báo cáo UBND tỉnh đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

5.4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp chủ động tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và Kế hoạch trong phạm vi chức năng, hoạt động của mình và theo sự phân công trong Kế hoạch hành động; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hành động báo cáo UBND tỉnh, qua Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

(Có biểu phân công nhiệm vụ kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. *ly*

Nơi nhận: *ly*

- Như điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Lưu VT, TH.

Bản điện tử:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP HĐND tỉnh; các Ban HĐND tỉnh;
- UB MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

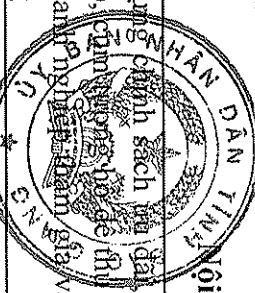



Nguyễn Văn Linh
Nguyễn Văn Linh

Các nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Kế hoạch hành động phát triển bền vững tỉnh Bắc Giang đến năm 2030
Bản thảo kèm theo Quyết định số 681 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Bắc Giang

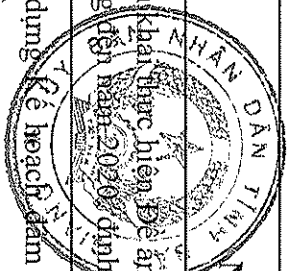


STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
I	Nhóm giải pháp về hoàn thiện thể chế			
1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2019-2030 <i>(Trong đó, hoàn thành phê duyệt quy hoạch năm 2020)</i>
2	Xây dựng Đề án đổi mới mô hình phát triển kinh tế của tỉnh đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2018
3	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý, khai thác dữ liệu quy hoạch đảm bảo công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020 -2025
4	Lựa chọn các chỉ tiêu phát triển bền vững đưa vào trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020 -2030
5	Triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 25/6/2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
6	Chính sách hỗ trợ thu hút nhà đầu tư vào đầu tư khu, điểm du lịch thông qua hỗ trợ thủ tục pháp lý, bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, điện, nước ...	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2021-2025
7	Xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức tài chính, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, cá nhân cung cấp tài chính, đầu tư cho các hoạt động xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, khu công nghệ cao nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về PTBV.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020 -2025

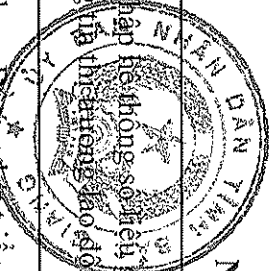
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
8	 Xây dựng chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp để thu hút đầu tư hạ tầng, tạo điều kiện, cơ sở để các doanh nghiệp tham gia vào chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng tăng trưởng	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
9	Chính sách khuyến khích phát triển các sản phẩm chủ lực công nghiệp chủ lực như hỗ trợ đào tạo lao động, chính sách về giá thuê đất, hỗ trợ thực hiện các thủ tục pháp lý, liên kết trong quá trình sản xuất, hỗ trợ lãi vay ngân hàng	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
10	Chính sách thu hút các nhà đầu tư lớn, khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ, thu hút các doanh nghiệp cung cấp nguyên, phụ liệu đầu vào cho sản xuất với cơ chế hỗ trợ đầu tư hạ tầng giao thông kết nối, giải phóng mặt bằng, lãi vay, tìm kiếm thị trường ...	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
11	Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp chất lượng cao, nông nghiệp sạch; thực hiện quy hoạch, phát triển các vùng sản xuất tập trung, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, đầu tư hạ tầng đồng bộ từ hệ thống giao thông kết nối, đến hệ thống tưới tự động, máy móc làm đất, thu hoạch ...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
12	Xây dựng chính sách hỗ trợ tập trung, tích tụ ruộng đất, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất hàng hóa quy mô lớn theo chuỗi liên kết ...	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019-2025
13	Cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, giảng viên cao đẳng, bác sỹ giỏi, nhân lực khoa học – công nghệ, kỹ sư, công nhân kỹ thuật cao trong các ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực.	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020 -2025
14	Tiếp tục rà soát các TTHC, kịp thời sửa đổi, bổ sung và cập nhật trên cổng thông tin điện tử khi có sự thay đổi. Cắt giảm 25-30% thời gian giải quyết đối với các TTHC có thời hạn giải quyết từ 15 ngày trở lên	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018 -2020

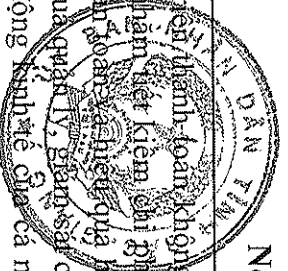
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
15	 Triển khai thực hiện Kế hoạch 112/KH-UBND ngày 27/6/2018 thực hiện Nghị quyết Hội đồng Chính phủ (Kỳ họp XII) về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả” và “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”	Sở Nội vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018 -2030
16	Lồng ghép một số nội dung về phát triển bền vững vào chương trình giảng dạy ở các cấp học	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020 -2025
17	Chính sách hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển các đối tượng sở hữu công nghiệp đổi mới với các sản phẩm của tỉnh; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020 -2025
18	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến mức độ 3 đạt từ 40% trở lên, mức độ 4 đạt từ 30% trở lên	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
19	Nâng cao chất lượng thông tin thông kê; chất lượng công tác phân tích, dự báo về tình hình kinh tế - xã hội; phục vụ công tác quản lý, điều hành của UBND tỉnh.	Cục Thống kê	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2020
20	Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá dựa trên kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển theo hướng bền vững; khuyến khích các hình thức theo dõi, đánh giá của người dân, đảm bảo tính dân chủ, trí tuệ của các đoàn thể, đông đảo nhân dân.	Cục Thống kê	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
II	Nhóm giải pháp về phát triển kinh tế bền vững			
21	Xây dựng phần mềm và triển khai cập nhật thông tin định kỳ để người sản xuất nắm được tin hiệu, thông tin thị trường, từ đó xây dựng kế hoạch sản xuất phù hợp.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2019-2020

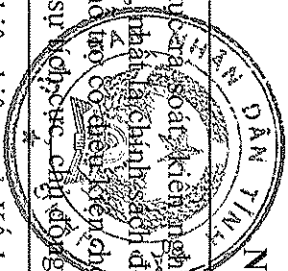
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
22	Triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
23	Xây dựng Kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
24	Thực hiện Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
25	Tập trung hỗ trợ phát triển mạnh cho các ngành công nghiệp có lợi thế như: sản xuất điện tử, chế biến nông, lâm sản, dệt may, sản xuất điện, hóa chất... và các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp môi trường	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
26	Thực hiện có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia về tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp; bổ sung danh mục không khuyến khích đầu tư các dự án sử dụng nhiều tài nguyên, năng lượng, công nghệ thấp.	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
27	Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp của tỉnh, nhất là các doanh nghiệp về: dệt may, chế biến thực phẩm... trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2025
28	Xây dựng kế hoạch xúc tiến và mở rộng thị trường xuất khẩu đối với các ngành, sản phẩm chủ lực của tỉnh	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2025
29	Hỗ trợ quảng bá các sản phẩm thân thiện với môi trường; nâng cao ý thức trong các doanh nghiệp về sử dụng nhãn sinh thái; xây dựng chiến lược doanh nghiệp với sản phẩm thân thiện với môi trường	Sở Công thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
30	Xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả dự án đầu tư để làm cơ sở lựa chọn dự án đầu tư trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2025




STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
31	Thu thập hệ thống số liệu gần với phân tích, dự báo và cung ứng dịch vụ thông tin thị trường gạo ở đồng	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
32	Xây dựng Đề án phát triển thành phố thông minh tỉnh Bắc Giang	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2018
33	Phát triển hạ tầng kết nối số và bảo đảm an toàn, an ninh mạng tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
34	Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
35	Tăng cường thông tin, truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết và nhận thức đúng về bản chất, đặc trưng, các cơ hội và thách thức của Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 để có cách tiếp cận, giải pháp phù hợp, hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
36	Nghiên cứu phát triển cụm tương hỗ vải thiều Lục Ngạn, Bắc Giang	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2020
37	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ của công ty Juran (Israel) bảo quản tươi quả vải và một số loại quả khác phục vụ xuất khẩu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2019
38	Thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm



STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
39	 Phát triển, quản lý, hoạt động đúng tiến độ trên địa bàn trong từng giai đoạn nhằm tiết kiệm chi phí xã hội liên quan đến tiến độ; đảm bảo an ninh, an toàn và hiệu quả hoạt động của hệ thống thanh toán; nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động kinh tế của cá nhân, doanh nghiệp. Thúc đẩy việc sử dụng thanh toán điện tử, giám sử dụng tiến độ trong các giao dịch thanh toán giữa cá nhân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước.	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
40	Nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ của các tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa. Triển khai có hiệu quả chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng. Ưu tiên tập trung vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
41	Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bắc Giang	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
42	Thực hiện Nghị quyết 138-NQ/TU của BTV Tỉnh ủy về đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định 479/QĐ-UBND phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
43	Tăng cường giám sát của cộng đồng theo quy chế của Chính phủ về giám sát cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	UBNDTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp	
III	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tiến bộ, công bằng xã hội			
44	Triển khai hiệu quả Kế hoạch 1088/KH-UBND ngày 11/4/2017 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2017-2020; xây dựng và triển khai Kế hoạch các giai đoạn tiếp theo	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
45	 <p>Tiếp tục rà soát, kiểm tra, bổ sung, hoàn thiện các chính sách giảm nghèo, nhà ở, chính sách đối với dòng bào dân tộc thiểu số; chuyển dần sang hỗ trợ Cơ điện lực, đặc biệt là ưu đãi nhằm khuyến khích sự nỗ lực, chủ động tham gia của người nghèo.</p>	Sở Lao động Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
46	Thực hiện hiệu quả Kế hoạch 2511/KH-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh thực hiện Đề án "Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030" trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
47	Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 BCH TW đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội	BHXH tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
48	Triển khai rà soát, phân loại các doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, đặc biệt là việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động	BHXH tỉnh; Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2020
49	Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch 4102/KH-UBND ngày 24/11/2017 thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030.	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
50	Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người khuyết tật, người trong hoàn cảnh dễ bị tổn thương tiếp cận các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp theo nhu cầu.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
51	Xây dựng các chính sách hỗ trợ đặc thù dành cho người nghèo, cận nghèo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020

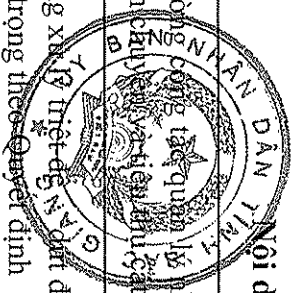
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
52	 <p>Tiếp tục thực hiện cơ chế qua Chiếu lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020. Kế hoạch thực hiện Quyết định số 178/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch triển khai Thông báo kết luận số 196-TB/TW ngày 16/3/2015 của Ban Bí thư về Đề án "Tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác Bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ trong tình hình mới"; Kế hoạch Thực hiện Chương trình MTQG về Bình đẳng giới (giai đoạn 2016-2020) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Phân đầu đến năm 2030 giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái trong mọi lĩnh vực và ở mọi nơi</p>	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
53	Xây dựng Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác quản lý nhà nước về trẻ em trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu thực hiện Luật trẻ em, pháp luật, chính sách về trẻ em, các chương trình, kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc trẻ em	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
54	Thực hiện hiệu quả Chương trình Quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tai nạn lao động	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2020
55	Thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; khắc phục tình trạng nợ BHXH, nâng cao hiệu quả quản lý quỹ, bảo đảm công khai, minh bạch, bền vững	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, BHXH tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
56	Cung cấp tín dụng cho người nghèo có nhu cầu về vốn để phát triển sản xuất, tạo việc làm, đa dạng hóa sinh kế, tăng thu nhập để thoát nghèo	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
57	Thực hiện hiệu quả Kế hoạch 90/KH-UBND ngày 28/5/2018 của UBND tỉnh về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
58	Tiếp tục triển khai thực hiện lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe đến từng người dân; đến năm 2020 có trên 90% người dân được lập hồ sơ quản lý sức khỏe	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2020

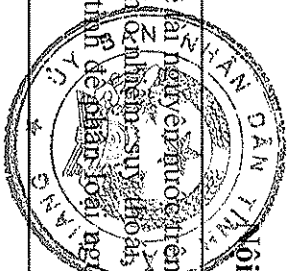
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
59	Xây dựng Đề án nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế cho các cơ sở y tế gia đình (đợt 1) năm 2019-2020	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
60	Xây dựng chỉnh sửa sổ sách bệnh nhân lịch đầu tư xây dựng cơ sở y tế ngoài công lập	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
61	Củng cố hệ thống tổ chức mạng lưới và tăng cường năng lực cấp cứu ở cả 3 tuyến; triển khai Trung tâm cấp cứu 115 của tỉnh và hệ thống cấp cứu tại cộng đồng	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
62	Thực hiện hiệu quả Chỉ thị 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới; đề xuất đưa các chỉ tiêu dinh dưỡng vào chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
63	Tăng cường các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở, đảm bảo an toàn thực phẩm, tăng cường luyện tập thể thao ... triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi...	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
64	Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm, xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông, nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về an toàn thực phẩm	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
65	Đẩy mạnh hoạt động truyền thông - giáo dục sức khỏe, chú trọng truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn, bản nhằm nâng cao nhận thức thay đổi hành vi của người dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số về lợi ích của việc khám thai định kỳ và sinh đẻ tại cơ sở y tế	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
66	Tiếp tục thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tác hại thuốc lá đến năm 2020. Tăng cường thực hiện các biện pháp về thông tin, tuyên truyền, giáo dục phòng chống tác hại của thuốc lá	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm

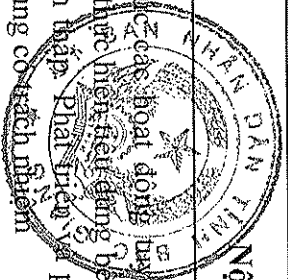


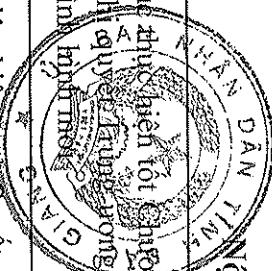
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
67	Đến năm 2030 giảm được các bệnh AIDS, lao, sốt rét và các bệnh nhiệt đới bị lây lan ở vùng phát triển chậm; bệnh viêm gan, các dịch bệnh do nguồn nước và các bệnh truyền nhiễm khác; giảm 20-25% tỷ lệ tử vong trước 70 tuổi do các bệnh không lây nhiễm thông qua dự phòng và điều trị, nâng cao sức khỏe tinh thần và thể chất	Sở Y tế	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
68	Xây dựng đề án huy động nguồn lực cho phát triển hệ thống giáo dục mầm non thông qua tăng cường lực lượng giáo viên được đào tạo, phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ giáo dục mầm non; huy động các thành phần kinh tế đầu tư hệ thống nhà trẻ, trường mầm non.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
69	Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân trong công tác bảo tồn các di sản tự nhiên và di sản văn hóa thuộc tỉnh; Tăng cường sự tham gia của các tổ chức xã hội, cộng đồng trong công tác bảo tồn và bảo vệ an toàn di sản tự nhiên và di sản văn hóa thuộc tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
70	Thực hiện hoàn thành lộ trình nâng cấp hệ thống các đài truyền thanh cơ sở, đặc biệt là ở địa bàn miền núi nhằm đảm bảo phương tiện cung cấp thông tin và phổ biến tuyên truyền chính sách pháp luật của nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
IV	Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu			
71	Đẩy nhanh tiến độ đo đạc bản đồ địa chính, phần đầu hoàn thành công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn tỉnh vào năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
72	Triển khai Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai các huyện thành phố; phần đầu đến hết năm 2030, tỉnh Bắc Giang có hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai toàn tỉnh đồng bộ hiện đại để khai thác sử dụng phục vụ các mục tiêu kinh tế - xã hội.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2030

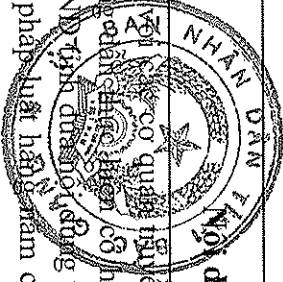
STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
73	Tăng cường công tác quản lý phá nước đối với hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí và hiện vật cá sấu lòng sông.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
74	Tập trung xây dựng thiết kế, lập dự án đi kèm các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiên cứu theo Quyết định 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
75	Hoàn thành Di chuyển các nhà máy, cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường theo Quyết định 353/QĐ-UBND ngày 11/6/2018 của UBND tỉnh ra khỏi thành phố Bắc Giang; triển khai di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường khác ra khỏi đô thị, khu dân cư để cải thiện môi trường sống	UBND thành phố Bắc Giang	Các Sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường	Giai đoạn 2018-2025
76	Tăng cường giám sát chất lượng môi trường nước, không khí, đặc biệt tại khu vực thành phố Bắc Giang, làng nghề và khu vực khai thác khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
77	Nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt báo cáo DTM đối với các dự án theo quy định. Tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm sau phê duyệt báo DTM	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
78	Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với các làng nghề tái chế phế liệu; cương quyết đình chỉ, không cho phép hoạt động đối với các làng nghề tái chế gây ô nhiễm môi trường; ngăn chặn việc đưa phế liệu nhập khẩu vào các cơ sở tái chế, sản xuất chưa được cấp Giấy chứng nhận/Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu tại các làng nghề;	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
79	Duy trì hệ thống tiếp nhận quan trắc tự động, liên tục và giám sát chặt chẽ nước thải, khí thải phát sinh từ các đối tượng theo quy định	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm




STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
80	 Kiểm kê tài nguyên và nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Điều tra, đánh giá tình hình chất lượng môi trường và nguồn nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh để đánh giá nguồn nước theo mức độ ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
81	Hoàn thành nhà máy xử lý rác thải tại thành phố Bắc Giang. Thu hút đầu tư và triển khai xây dựng nhà máy tại huyện Lục Nam và Hiệp Hòa	UBND thành phố Bắc Giang, huyện Hiệp Hòa, huyện Lục Nam	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2025
82	Khuyến khích sử dụng các vật liệu xây dựng mới tiên tiến, thân thiện môi trường; công nghệ mới trong xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng tốt, giá thành hạ	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
83	Xây dựng mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp lũy tiến theo mức độ gây ô nhiễm môi trường để từng bước bù đắp chi phí xử lý nước thải sinh hoạt và thúc đẩy xã hội hóa đầu tư xử lý nước thải	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
84	Xây dựng và triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tiếp cận nguồn lực đầu tư dự án sử dụng hiệu quả năng lượng và thực hiện các dự án sản xuất sạch hơn	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2025
85	Xây dựng hệ thống thông tin cập nhật tình hình sử dụng năng lượng của các ngành/doanh nghiệp thông qua lồng ghép một số chỉ tiêu về sử dụng năng lượng trong báo cáo doanh nghiệp hàng năm	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2020
86	Huy động nguồn lực trong và ngoài nước cho phát triển nguồn năng lượng tái tạo; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho mọi tổ chức, cá nhân đầu tư cho năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
87	 <p>Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi tiêu dùng, thực hiện tiết kiệm bền vững, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải, carbon thấp. Phát triển và phổ biến các mô hình tiêu dùng bền vững, tiêu dùng có trách nhiệm</p>	Sở Công Thương	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
88	Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cộng đồng không tiêu thụ, sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã trên phạm vi tỉnh. Thực đẩy sự tham gia của cộng đồng và các phương tiện thông tin đại chúng trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
89	Tăng cường thực hiện quản lý, bảo vệ phát triển bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng; phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, duy trì độ che phủ rừng toàn tỉnh ở mức 38%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
90	Triển khai đề tài nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự thay đổi diện tích rừng và đất lâm nghiệp bằng công nghệ viễn thám, phục vụ phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2018-2020
91	Đưa kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ rủi ro thiên tai vào chương trình, bậc giáo dục, đào tạo các cấp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện sáng kiến trường học an toàn, các hoạt động phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu lấy trẻ em làm trọng tâm	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Giai đoạn 2020-2030
92	Đổi mới công tác tuyên truyền, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục về công tác bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
V	Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giải quyết khiếu nại, tố cáo, giải quyết các vấn đề bức xúc, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội			

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
93	 <p>Tiếp tục thực hiện tội Chiếm giữ trái phép tài sản công cộng (khoá XI) về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới</p>	Công an tỉnh; Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
94	Thực hiện hiệu quả Quyết định 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030, phần đầu đẩy lùi tội phạm và tệ nạn xã hội, phần đầu đến năm 2020 giảm từ 3 - 5% tổng số vụ phạm tội hình sự so với năm 2016; tỷ lệ Điều tra, khám phá các loại tội phạm đạt từ 75% trở lên, các tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng đạt 95% trở lên trên tổng số án khởi tố.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
95	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật giúp người dân nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng phó khi gặp nguy cơ và tích cực tham gia đấu tranh chống tội phạm mua bán người	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
96	Thường xuyên tuyên truyền các quy định của pháp luật, phổ biến phương thức, thủ đoạn hoạt động của tội phạm nói chung và tội phạm trọng cấp nói riêng. Đẩy mạnh công tác tuần tra, kiểm soát hành chính ban đêm, tập trung tại những địa bàn thường xuyên xảy ra các vụ trọng cấp tài sản. Tăng cường điều tra, khai thác mở rộng các vụ án để kịp thời thu hồi tài sản cho nhân dân.	Công an tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
97	Làm tốt công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật giao thông.	Công an tỉnh; Sở Giao thông vận tải	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
98	Triển khai thực hiện tốt Luật Căn cước công dân và Luật Hộ tịch, đặc biệt đối với dòng bào dân tộc thiểu số, nhóm nhập cư. Tiếp tục triển khai xây dựng, áp dụng cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử tại tất cả các cơ quan đăng ký hộ tịch	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019 -2025

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
99	 Phối hợp với cơ quan liên thông xây dựng và triển khai các văn bản hướng dẫn áp dụng Luật Tiếp cận thông tin. Tham mưu UBND tỉnh đưa ra ý kiến, đề xuất tuyên truyền trên các kênh hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao các cơ quan, tổ chức và địa phương trong tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
100	Tăng cường số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra và nâng cao chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện kịp thời các hành vi tham nhũng, lãng phí và xử lý nghiêm minh các vi phạm đã được phát hiện	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
101	Nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc KNPTC, phần đầu giải quyết xong 90% trở lên các vụ việc mới phát sinh, thi hành xong 80-85% trở lên số quyết định giải quyết KNPTC đã có hiệu lực pháp luật.	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
102	Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, gây khiếu nại, khiếu kiện, kiến nghị trong nhân dân như công tác bồi thường, GPMB, xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường nông thôn, xử lý các tệ nạn xã hội...	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
VI	Tăng cường hợp tác với các địa phương, mở rộng hợp tác quốc tế; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện			
103	Thiết lập cơ chế cung cấp thông tin định kỳ về tình đến mạng lưới các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các địa phương nước ngoài.	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019
104	Xây dựng và ban hành đề án tổng thể hội nhập quốc tế của tỉnh Bắc Giang thực hiện Chiến lược tổng thể hội nhập quốc tế theo Quyết định 40/QĐ-TTg ngày 7/1/2016 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Ngoại vụ	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Năm 2019

STT	Nội dung nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành
105	 <p>Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, tạo sự đồng thuận trong thực hiện. Công khai, minh bạch và chủ động cung cấp thông tin về các vấn đề được xã hội quan tâm. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nâng cao nhận thức về phát triển bền vững.</p>	Sở Thông tin và truyền thông; Báo Bắc Giang; Đài PT-TH tỉnh	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	Hàng năm
106	Thực hiện tốt sự phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội	Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố	UBMTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, chính trị xã hội - nghề nghiệp	Hàng năm